

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **29 - 3 - 2021**

V/v: **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hạ Hải Hồ.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Đoàn Bá Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: **Bà Dương Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **3** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **17/2021/TLST - HNGĐ** ngày **13** tháng **01** năm **2021**, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **11/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày **11** tháng **3** năm **2021**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Hồng L**, sinh năm **1985**.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Đình V**, sinh năm **1982**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Em Nguyễn Đình P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2003 và em Nguyễn Đình T, sinh năm 2006.

Cùng nơi cư trú: **Thôn 4, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.**

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – **chị Lê Thị Hồng L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng L và anh Nguyễn Đình V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Đức Phú. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên

nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng mà nguyên nhân là do anh V gia trưởng, nóng tính, thường sử dụng vũ lực với chị L, từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Hiện tại chị L không còn tình cảm với anh V, đã về nhà cha mẹ để sinh sống và yêu cầu được ly hôn với anh V. Việc ly hôn thì chị L đã suy nghĩ và cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Cháu P tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng đã nghỉ học và đang học nghề ở thành phố, còn cháu T hiện nay đang ở với vợ chồng chị L. Khi ly hôn thì chị L theo nguyện vọng của hai người con chung, muốn được ở với anh V thì chị L cũng đồng ý chứ không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[2]. Bị đơn – anh Nguyễn Đình V trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình V và chị Lê Thị Hồng L đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Đức Phú. Trong thời gian chung sống, anh V và chị L có đôi lúc xảy ra tranh cãi nhưng đó là chuyện thường gặp mà vợ chồng nào cũng có, vợ chồng anh V không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn như chị L trình bày. Hiện tại vì anh V còn tình cảm yêu thương chị L và vì bản thân anh V không có lỗi gì nên không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh V cũng không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh V và chị L có 02 người con chung, tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Đình V không yêu cầu giải quyết.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - em Nguyễn Đình P và Nguyễn Đình T đều trình bày:

Em P là con của chị L và anh V. Hiện nay em P đã nghỉ học, đang vừa làm vừa học nghề nấu ăn ở thành phố Hồ Chí Minh chứ không sống chung với cha mẹ, công việc thì cũng đã có thu nhập vừa nuôi sống bản thân chứ cha mẹ ít chu cấp. Còn em T hiện nay đang học lớp 9, trường THCS Đức Phú. Hàng ngày, quần áo và chuyện học hành thì em T tự lo, còn ăn uống thì anh V lo. Em P và T biết chuyện cha mẹ mâu thuẫn và ly hôn với nhau, hai em thường thấy cha mẹ hay cãi nhau. Hiện nay mẹ L đã về nhà ngoại ở từ trước tết âm lịch 2021, tết mẹ có về nhà nhưng sau tết thì đã về lại nhà ngoại. Nếu cha mẹ ly hôn không ở với nhau nữa về phần em P có nguyện vọng là ai ở trong căn nhà của gia đình thì em sẽ ở với người đó, còn em T có nguyện vọng được ở với anh V.

[4]. Những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung, giấy chứng nhận kết hôn và bản tự khai.

- Bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai và bản sao chứng minh nhân dân.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị Lan, anh Vũ, em Phát, em Tài và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Đình V. Về con chung: Đề nghị giao em Nguyễn Đình P và em Nguyễn Đình T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng buộc chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đình V và giải quyết về quyền nuôi 02 người con chung khi ly hôn, ngoài ra các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại: Thôn 4, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng Lan:

Tại phiên Tòa, chị Lê Thị Hồng L và anh Nguyễn Đình V đều công nhận đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú, huyện Tánh Linh vào năm 2003. Chị L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh V và cương quyết ly hôn bởi vì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc; thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân ngày càng nghiêm trọng, có lúc phải dùng đến vũ lực để giải quyết mâu thuẫn. Hiện tại, chị L không còn tình cảm gì với anh V, vợ chồng không còn chung sống với nhau, cũng không quan tâm, chăm sóc gì nhau nên chị L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị L vẫn cương quyết ly

hôn với anh V. Tại phiên tòa, anh V thừa nhận hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa anh V với chị L không được hạnh phúc như mong muốn nhưng anh V vẫn không đồng ý ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng; hiện tại chị L và anh V đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, yêu thương lẫn nhau; điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh V tại địa phương. Qua hòa giải đoàn tụ thì chị L vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh V. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị L hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh V; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc thật sự mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị L được ly hôn với anh V theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Trong thời gian chung sống, chị Lê Thị Hồng L và anh Nguyễn Đình V có 02 người con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Em P hiện nay tuy chưa tròn 18 tuổi nhưng đã có việc làm chứ không còn đi học; riêng em T còn đi học, đang ở với anh V. Tại phiên tòa, chị L tôn trọng nguyện vọng của em P và em T muốn được ở với cha hay mẹ khi chị L và anh V ly hôn. Còn anh V thì yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai người con chung nếu vợ chồng ly hôn, anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Trong khi đó, em P và em T đều có nguyện vọng được ở với anh V khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần tiếp tục giao em P và em T cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Hồng L và anh Nguyễn Đình V đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Đình V. Đề nghị giao hai người con chung chưa thành niên cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Đình V.

- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Giao cho anh Nguyễn Đình V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Đình T, sinh năm 2006 cho đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh V nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004562, ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2021) (*Đã giải thích quyền kháng cáo*).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã Đức Phú (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hạ Hải Hồ